

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-9-2024

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thương

Ông Nguyễn Ngọc Tri

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Xuân Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hoài Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn HH, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn HH, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Về tình cảm: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/01/2019 tại UBND xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào Đà Nẵng làm ăn. Đến khoảng năm 2022, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, cách nuôi dạy con và không tìm được tiếng nói chung. Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M thường xuyên cãi vã, khiến cho cuộc sống chung trở nên ngột ngạt. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau để hàn gắn nhưng

không thành. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị Bùi Thị Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 20/5/2019. Khi ly hôn, chị Bùi Thị Thu H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Trâm A. Yêu cầu anh Nguyễn Đức M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Chị Bùi Thị Thu H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con

Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 08/7/2024 và tại phiên hoà giải ngày 08/7/2024, bị đơn anh Nguyễn Đức M trình bày:

Về tình cảm: Quá trình đi đến kết hôn giống như chị Bùi Thị Thu H trình bày, đó là vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 11/01/2019 tại UBND xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không có tiếng nói chung, anh M thừa nhận bản thân ham chơi, bỏ bê, không chăm lo cho vợ và con. Nhưng vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, anh Nguyễn Đức M mong muốn chị Bùi Thị Thu H cho anh Nguyễn Đức M một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm, để con được chung sống với cả ba và mẹ, vợ chồng đoàn tụ. Anh Nguyễn Đức M hứa sẽ thay đổi, tu chí làm ăn, chăm lo cho gia đình để vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức M và chị Bùi Thị Thu H có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 20/5/2019. Nếu phải ly hôn, anh Nguyễn Đức M có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Trâm A. Không yêu cầu chị Bùi Thị Thu H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đức M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 20/5/2019 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Bùi Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Đức M và giải quyết về con chung, Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Đức M cư trú tại thôn HH, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn anh Nguyễn Đức M được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức M.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/01/2019 tại UBND xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, hôn nhân giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng vào làm ăn tại thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do không cùng quan điểm sống, cách nuôi dạy con và không tìm được tiếng nói chung, anh M bỏ bê, không quan tâm đến gia đình, vợ con, điều này anh M đã thừa nhận trong bản trình bày ý

kiến. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập các phiên hòa giải nhưng anh M chỉ tham gia một lần, còn lại anh M không đến tham gia mặc dù anh M có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ, điều đó thể hiện anh M đã bỏ mặc cuộc hôn nhân. Theo xác minh tại địa phương thôn HH, xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và Hội phụ nữ xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị cho biết vợ chồng anh M, chị H sau khi kết hôn với nhau đã đi làm ăn tại thành phố Đà Nẵng, thỉnh thoảng mới dẫn con về nhà, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Thu H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 20/5/2019. Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại, chị Bùi Thị Thu H có công việc, thu nhập ổn định với mức lương 11.500.000 đồng/tháng, cháu Trâm A là cháu gái, đang trong giai đoạn phát triển, hình thành tính cách và để hạn chế sự thay đổi môi trường sống của con thì chị H là người phù hợp hơn trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con, đảm bảo cho sự phát triển của con. Anh Nguyễn Đức M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Trâm A nếu ly hôn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh M bỏ mặc, không cung cấp các chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con, không tham gia phiên tòa nên không có cơ sở giao cháu Trâm A cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 20/5/2019 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Đức M phải cấp ***dưỡng nuôi con nên không xem xét.***

Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Đức M. (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 11/01/2019 của UBND xã TL, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Trâm, sinh ngày 20/5/2019 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Đức M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh Mẫn thực hiện quyền này..

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Bùi Thị Thu H đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023, số 0000143 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa. Chị Bùi Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND H. Hướng Hóa;
- Chi cục THADS H. Hướng Hóa;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Sơn